BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2020/TT-BCT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020*

THÔNG TƯ

Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định, hướng dẫn thực hiện các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp; lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; hoạt động phát triển cụm công nghiệp; chế độ báo cáo, cơ sở dữ liệu và các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến quản lý, hoạt động của cụm công nghiệp.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 3. Các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp

1. Các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp gồm tên gọi, vị trí thay đổi trong địa giới hành chính cấp huyện, diện tích thay đổi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn cấp huyện, ngành nghề hoạt động, tiến độ đầu tư hạ tầng kỹ thuật và nội dung khác nhưng không làm thay đổi mục tiêu, bản chất, không làm tăng diện tích sử dụng đất của phương án phát triển cụm công nghiệp trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt hoặc qũy đất dành cho phát triển các cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Căn cứ văn bản đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xem xét, làm rõ sự cần thiết, cơ sở đề xuất đối với các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp cũng như tác động, ảnh hưởng đến quy hoạch tỉnh; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề nghị Bộ Công Thương thống nhất. Trường hợp thay đổi diện tích cụm công nghiệp, Bộ Công Thương lấy ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan để xem xét, xử lý.

Căn cứ văn bản thống nhất của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp, đồng thời cập nhật, thể hiện trong quy hoạch tỉnh những nội dung thay đổi để báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại kỳ lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

Mục 2
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Tiếp nhận, lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn:

a) Ngay sau khi nhận được văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo việc tiếp nhận, thời gian lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương;

b) Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trong đó có nội dung giao doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp) được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ngay sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành.

2. Việc lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là một nội dung thẩm định thành lập, mở rộng cụm công

nghiệp. Thời gian lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật nằm trong thời gian thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

3. Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư (sau đây đây gọi là Hội đồng):

a) Trong quá trình thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, Sở Công Thương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Sở Công Thương, Thư ký Hội đồng là đại diện phòng quản lý chuyên môn của Sở Công Thương, thành viên Hội đồng là đại diện các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính và một số cơ quan, đơn vị có liên quan khác (nếu cần thiết);

b) Hội đồng tiến hành đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham gia, thực hiện theo phương pháp chấm điểm với thang điểm 100 cho các tiêu chí phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 15 điểm), phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp (tối đa 15 điểm), năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã (tối đa 30 điểm) và phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (tối đa 40 điểm). Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Sở Công Thương báo cáo Hội đồng thống nhất về nguyên tắc, phương thức làm việc của Hội đồng, các nội dung của từng tiêu chí và mức điểm đạt được tương ứng của các nội dung đó cho phù hợp;

c) Điểm đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp do Hội đồng quyết định, thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nếu được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền), thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng tham gia;

Doanh nghiệp, hợp tác xã có số điểm từ 50 trở lên được xem xét, giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên cùng đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thì lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã có số điểm cao nhất; nếu có từ hai doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên cùng có số điểm bằng nhau thì Hội đồng thống nhất đề xuất lựa chọn một doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

d) Hội đồng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

4. Nhiệm vụ của Sở Công Thương:

a) Chủ trì thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13 và 14 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

b) Hoàn thành, gửi dự thảo báo cáo thẩm định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, bảo sao hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, dự kiến các nội dung của từng tiêu chí và mức điểm đạt được tương ứng và các tài liệu liên quan khác đến các thành viên Hội đồng trước ngày họp;

c) Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng tiến hành họp, chấm điểm và triển khai thực hiện các kết luận của Hội đồng;

d) Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (trong đó có nội dung giao doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp);

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

Điều 5. Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết khu chức năng tại Luật Xây dựng; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

3. Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch chi tiết xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật đấu thầu, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 6. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 7. Nhiệm vụ của đơn vị được giao làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP

1. Tham gia xây dựng, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp, lập báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tổ chức lập, quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

2. Tổ chức triển khai, quản lý, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án huy động vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định.

3. Quản lý, vận hành, bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất di dời vào cụm công nghiệp; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hoạt động phát triển cụm công nghiệp

Hoạt động phát triển cụm công nghiệp quy định tại Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được thực hiện thông qua đề xuất các nội dung hoạt động phát triển cụm công nghiệp, dự toán kinh phí được phê duyệt hằng năm:

1. Cục Công Thương địa phương chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, đơn vị có chức năng liên quan đề xuất Bộ Công Thương phê duyệt các nội dung, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp hằng năm quy định tại khoản 1 Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP sau khi được phê duyệt.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có chức năng liên quan đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nội dung, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp hằng năm trên địa bàn cấp tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP sau khi được phê duyệt.

3. Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị có chức năng liên quan đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các nội dung, dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển cụm công nghiệp hằng năm trên địa bàn cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP sau khi được phê duyệt.

Mục 3
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, MẪU VĂN BẢN, QUY CHẾ QUẢN LÝ VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 9. Chế độ báo cáo về cụm công nghiệp

1. Đối tượng thực hiện chế độ báo cáo:

a) Cục Công Thương địa phương;

b) Sở Công Thương;

c) Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Cơ quan thống kê cấp huyện;

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

đ) Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

2. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng (đầu năm) được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 6 của kỳ báo cáo;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hàng năm được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

3. Chế độ báo cáo định kỳ:

a) Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.1 Phụ lục I Thông tư này, gửi Cơ quan thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Định kỳ trước ngày 20 tháng 6 và 20 tháng 12 hàng năm, chủ đầu tư báo cáo tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.2 Phụ lục I Thông tư này, gửi Cơ quan Thống kê cấp huyện và sao gửi Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Công Thương;

c) Định kỳ trước ngày 25 tháng 6 và 25 tháng 12 hàng năm, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.3 Phụ lục I Thông tư này, gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Định kỳ trước ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12 hàng năm, Sở Công Thương báo cáo tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn trong 6 tháng và cả năm theo Biểu số 1.4 Phụ lục I Thông tư này, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Cục Công Thương địa phương;

đ) Định kỳ trước ngày 31 tháng 3 năm sau, Cục Công Thương địa phương tổng hợp, báo cáo Bộ Công Thương tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp của cả nước.

4. Các đối tượng thực hiện chế độ báo cáo định kỳ bằng văn bản, hệ thống thư điện tử hoặc thông qua cập nhật dữ liệu vào Cơ sở sở dữ liệu cụm công nghiệp (đối với Cục Công Thương địa phương, Sở Công Thương, Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện). Ngoài ra, các đối tượng thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 10. Xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp

1. Cục Công Thương địa phương tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước; hướng dẫn Sở Công Thương cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

2. Sở Công Thương tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành và hướng dẫn Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh; có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước.

3. Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn vào Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh.

Điều 11. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp

Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về cụm công nghiệp tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này để các địa phương căn cứ áp dụng cho phù hợp thực tế.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Cục Công Thương địa phương

1. Cục Công Thương địa phương là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên phạm vi cả nước quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Có ý kiến về sự phù hợp, đáp ứng các nội dung, quy định đối với phương án phát triển cụm công nghiệp của các địa phương; các thay đổi nhỏ, thường xuyên về cụm công nghiệp trong quá trình thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp.

3. Chủ trì xây dựng các nội dung hoạt động phát triển cụm công nghiệp, dự toán kinh phí hằng năm và tổ chức thực hiện theo quy định.

4. Hướng dẫn, xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Chỉ đạo các Sở, ngành, đơn vị trên địa bàn trong chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi để Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 43 và 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và các Điều 14 và 15 Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Đầu mối giúp Ủy ban nhân cấp tỉnh quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP; xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch tỉnh sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tham gia thẩm định quy hoạch chi tiết xây dựng, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp; chủ trì, phối hợp thẩm định chủ trương đầu tư dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo quy định, phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp; giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với:

a) Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, phê duyệt dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy);

b) Dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (gồm: quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

4. Chủ trì xây dựng các nội dung hoạt động phát triển cụm công nghiệp, dự toán kinh phí hằng năm và tổ chức thực hiện trên địa bàn cấp tỉnh theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phòng chuyên môn quản lý công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Chủ trì xây dựng các nội dung hoạt động phát triển cụm công nghiệp, dự toán kinh phí hằng năm và tổ chức thực hiện trên địa bàn cấp huyện theo quy định.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định tại văn bản mới./.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC BIỂU BÁO CÁO VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP)

Biểu số 1.1	**Tình hình hoạt động dự án đầu tư trong cụm công nghiệp**
Biểu số 1.2	**Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**
Biểu số 1.3	**Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện**
Biểu số 1.4	**Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh**

Biểu số 1.1. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư trong cụm công nghiệp

Đơn vị gửi báo cáo: Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

Dự án/ngành nghề kinh doanh:.....

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thống kê cấp huyện, Phòng quản lý chuyên môn công thương cấp huyện

Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm

(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 12 hàng năm)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Doanh thu của dự án trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
2	Số nộp Ngân sách nhà nước của dự án trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
3	Lao động đang làm việc thường xuyên tại dự án trong kỳ báo cáo	Người		
4	Thu nhập bình quân người lao động của dự án trong kỳ báo cáo	Triệu đồng/người/tháng		

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật

(Chữ ký, dấu)

Biểu số 1.2. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đơn vị gửi báo cáo: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan Thống kê cấp huyện, Phòng chuyên môn quản lý công thương cấp huyện, Sở Công Thương

Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm

(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 20 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 20 tháng 12 hàng năm)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng mức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo dự án đã được duyệt	Tỷ đồng		
2	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Tỷ đồng		
3	Diện tích đất công nghiệp của dự án đã xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đủ điều kiện cho thuê)	ha		
4	Diện tích đất công nghiệp dự án đã cho thuê	ha		
5	Số dự án/doanh nghiệp đã thuê đất hoạt động trong cụm công nghiệp	DA/DN		
6	Doanh thu của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
7	Lao động làm việc thường xuyên tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Người		
8	Số nộp Ngân sách nhà nước của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
9	Thu nhập bình quân người lao động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong kỳ báo cáo	Triệu đồng/ người/tháng		
10	Số công trình xử lý nước thải chung của cụm đã đi vào hoạt động thường xuyên	Công trình		

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật

(Chữ ký, dấu)

Biểu số 1.3. Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện

Đơn vị gửi báo cáo: Phòng chuyên môn quản lý công thương cấp huyện

Đơn vị nhận báo cáo: Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện

Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm.

(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 25 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 25 tháng 12 hàng năm)

TT	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Số lượng** *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	**Phương án phát triển cụm công nghiệp**			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	ha		
3	Số lượng cụm công nghiệp bổ sung phương án phát triển trong kỳ báo cáo	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp rút ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp rút ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	ha		
7	Số lượng cụm công nghiệp điều chỉnh diện tích trong kỳ báo cáo	Cụm		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp sau điều chỉnh phương án phát triển trong kỳ báo cáo	ha		
II	**Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**			
9	Tổng số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
13	Số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
14	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
15	Số lượng cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Ha		
17	Số lượng cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
18	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
19	Số lượng cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
20	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
21	Số lượng cụm công nghiệp Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
22	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
23	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
24	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	ha		
25	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
26	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	ha		
27	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		
28	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng *(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
III	**Hoạt động của các cụm công nghiệp**			
29	Số lượng cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Cụm		
30	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	ha		
31	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	ha		
32	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	ha		
33	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	%		
34	Tổng số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Dự án		
35	Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
36	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Người		
37	Nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
38	Số cụm công nghiệp có công trình xử lý nước thải chung đã đi vào hoạt động	Cụm		

..., ngày... tháng... năm...

Trưởng phòng chuyên môn quản lý
công thương cấp huyện

(Chữ ký, dấu)

Biểu số 1.4. Tổng hợp tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh

Đơn vị gửi báo cáo: Sở Công Thương

Đơn vị nhận báo cáo: Cục Công Thương địa phương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Kỳ báo cáo: 6 tháng, năm.

(Thời hạn gửi báo cáo: Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 30 tháng 6 hàng năm; Báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 12 hàng năm)

TT	**Chỉ tiêu**	**Đơn vị tính**	**Số lượng** *(lũy kế đến thời điểm bảo cáo)*	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	**Phương án phát triển cụm công nghiệp**			
1	Số lượng cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	Cụm		
2	Tổng diện tích cụm công nghiệp theo phương án phát triển cụm công nghiệp	ha		
3	Số lượng cụm công nghiệp bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Cụm		
4	Tổng diện tích các cụm công nghiệp bổ sung phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	ha		
5	Số lượng cụm công nghiệp rút ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Cụm		
6	Tổng diện tích các cụm công nghiệp rút ra khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	ha		
7	Số lượng cụm công nghiệp điều chỉnh diện tích trong kỳ báo cáo	Cụm		
8	Tổng diện tích các cụm công nghiệp sau điều chỉnh phương án phát triển trong kỳ báo cáo	ha		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng *(lũy kế đến thời điểm bảo cáo)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
II	**Thành lập, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**			
9	Số lượng cụm công nghiệp đã thành lập	Cụm		
10	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập	ha		
11	Số lượng cụm công nghiệp thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
12	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã thành lập trong kỳ báo cáo	Cụm		
13	Tổng số lượng cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
14	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
15	Số lượng cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
16	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
17	Số lượng cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
18	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
19	Số lượng cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng *(lũy kế đến thời điểm bảo cáo)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
20	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
21	Số lượng cụm công nghiệp Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	Cụm		
22	Tổng diện tích các cụm công nghiệp do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập khác làm chủ đầu tư hạ tầng	ha		
23	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	Cụm		
24	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết	ha		
25	Số lượng cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	Cụm		
26	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đã được phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng	ha		
27	Tổng vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp (tính theo dự án được phê duyệt)	Tỷ đồng		
28	Tổng vốn đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật của các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
III	**Hoạt động của các cụm công nghiệp**			
29	Số lượng các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	Cụm		
30	Tổng diện tích các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	ha		

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng *(lũy kế đến thời điểm bảo cáo)*	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
31	Tổng diện tích đất công nghiệp của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết đã được duyệt)	ha		
32	Tổng diện tích đất công nghiệp đã cho thuê tại các cụm công nghiệp	ha		
33	Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đi vào hoạt động	%		
34	Tổng số dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Dự án		
35	Tổng số vốn đăng ký của các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp	Tỷ đồng		
36	Tổng số người lao động làm việc trong các cụm công nghiệp	Người		
37	Nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trong kỳ báo cáo	Tỷ đồng		
38	Số cụm công nghiệp có công trình xử lý nước thải chung đã đi vào hoạt động	Cụm		

....., ngày... tháng... năm...

Giám đốc Sở Công Thương

(Chữ ký, dấu)

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP)

Mẫu số 2.1	**Tờ trình về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.2	**Đơn đăng ký làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.3	**Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.4	**Báo cáo thẩm định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.5	**Một số nội dung của các tiêu chí lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.6	**Kết quả đánh giá chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.7	**Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.8	**Một số nội dung của Quy chế phối hợp giữa các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện về quản lý cụm công nghiệp**
Mẫu số 2.9	**Quyết định ban hành Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng tiện ích trong cụm công nghiệp**

Mẫu số 2.1

ỦY BAN NHÂN DÂN **CẤP HUYỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/TTr-UBND	*……, ngày… tháng… năm……*

TỜ TRÌNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp…

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê quyệt quy hoạch tỉnh/phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp…;

Ủy ban nhân dân… (cấp huyện)… đề nghị Ủy ban nhân dân… (cấp tỉnh)… phê duyệt thành lập/mở rộng cụm công nghiệp… như sau:

1. Sự cần thiết thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

2. Giải trình đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

3. Đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chính *(tên gọi, diện tích, địa điểm, ngành nghề hoạt động chủ yếu, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quy mô đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật,…).*

4. Đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

5. Đề xuất, kiến nghị khác

Nơi nhận: - UBND cấp tỉnh; - Sở Công Thương …; - ….. - Lưu: VT,….	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** *(Chữ ký, dấu)*

Mẫu số 2.2

Đơn vị đăng ký chủ đầu tư hạ tầng	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	*....., ngày... tháng... năm....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ
Chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp…..

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê quyệt quy hoạch tỉnh/phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp…;

Căn cứ năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm đã thực hiện các dự án đầu tư (nếu có) của đơn vị;

...(Tên đơn vị)... đăng ký làm chủ đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp... với các thông tin chính như sau:

I. Thông tin đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư

1. Tên đơn vị:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

3. Điện thoại:……; Fax:……; Email:.....

4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:…… do…….. cấp ngày.....

5. Ngành nghề kinh doanh chính:.....

6. Người đại diện theo pháp luật:…… Chức danh:.....

…….....

II. Thông tin dự án đăng ký làm chủ đầu tư

1. Tên dự án:.....

2. Địa chỉ dự án:.....

3. Tổng mức đầu tư tạm tính của dự án:.....

4. Tiến độ đầu tư:.....

5. Các đề xuất khác:.....

III. Hồ sơ kèm theo

- Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp;

- Bản sao giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu minh chứng tư cách pháp nhân của chủ đầu tư;

- Bản sao: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của chủ đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của chủ đầu tư; năng lực kinh nghiệm đã thực hiện các dự án tương tự (nếu có) của chủ đầu tư.

Đơn vị cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung đơn đăng ký này./.

Nơi nhận:
- ….
- …
- Lưu: ….

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký, dấu)

Mẫu số 2.3

Tên đơn vị đăng ký làm chủ đầu tư	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/BC-…	*..., ngày... tháng... năm……*

BÁO CÁO
Đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp……

1. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết đầu tư, thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

2. Đánh giá sự phù hợp, đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; tình hình đầu tư hạ tầng kỹ thuật, khả năng cho thuê của các khu công nghiệp trên địa bàn ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp.

3. Hiện trạng sử dụng đất, định hướng bố trí các ngành, nghề có tính liên kết, hỗ trợ trong sản xuất; cơ cấu sử dụng đất và dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp; đánh giá khả năng đấu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp.

4. Xác định mục tiêu, diện tích, địa điểm, phạm vi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; phân tích, lựa chọn phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật; phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); tiến độ thực hiện dự án phù hợp với thực tế và khả năng huy động các nguồn lực; kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời và tỷ lệ lấp đầy của cụm công nghiệp.

5. Đánh giá năng lực, tư cách pháp nhân của chủ đầu tư; dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu, khả năng cân đối, huy động các nguồn vốn đầu tư (trong đó có nguồn vốn đầu tư công nếu có) để thực hiện dự án.

6. Chi phí duy tu bảo dưỡng, vận hành hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, các chi phí liên quan khác; phương thức quản lý, khai thác sử dụng sau khi đi vào hoạt động.

7. Phân tích, đánh giá sơ bộ về tác động môi trường, hiệu quả về kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp; các giải pháp tổ chức thực hiện.

8. Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận: - …. - …. - Lưu: ...	**Người đại diện theo pháp luật** *(Chữ ký, dấu)*

Mẫu số 2.4

UBND CẤP TỈNH **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……/BC-SCT	*……, ngày….. tháng…. năm 20….*

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp…

I. Căn cứ thẩm định

- Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

- Căn cứ Quyết định phê quyệt quy hoạch tỉnh/phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp…;

- Căn cứ Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh;

- Căn cứ Tờ trình của UBND cấp huyện kèm theo hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp; kết quả đánh giá lựa chọn chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; ý kiến của các Sở, ngành có liên quan về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp,

II. Tóm tắt nội dung đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp (*tên gọi; địa điểm; diện tích; ngành nghề hoạt động chủ yếu; tên chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thời gian hoạt động của dự án; các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng)*

III. Kết quả thẩm định

1. Tóm tắt ý kiến thẩm định của các sở, ngành

2. Ý kiến thẩm định của Sở Công Thương

a) Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

b) Khả năng đáp ứng các điều kiện thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

c) Nội dung, tính khả thi của Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp.

d) Về một số ưu đãi đầu tư đối với cụm công nghiệp.

IV. Một số nội dung còn có ý kiến khác nhau *(nếu có)*

V. Đề xuất/kiến nghị

Nơi nhận: - … - Lưu:…	**GIÁM ĐỐC** *(Chữ ký, dấu)*

Mẫu số 2.5

MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ LỰA CHỌN CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP

TT	Tiêu chí	Một số nội dung cơ bản của tiêu chí
1	**Năng lực kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị làm chủ đầu tư** (30 điểm)	Kinh nghiệm làm chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật; tham gia quản lý, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, cụm công nghiệp; kinh nghiệm quản lý hoặc làm chủ đầu tư dự án xây dựng khu đô thị; năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý môi trường của doanh nghiệp/hợp tác xã;….
2	**Phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật** (40 điểm)	Kế hoạch huy động, bố trí vốn theo tiến độ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp; báo cáo tài chính, tài liệu chứng minh nguồn vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ hoặc cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của chủ đầu tư;…
3	**Phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật** (15 điểm)	Phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); tiến độ thực hiện dự án và khả năng huy động các nguồn lực (nhân lực, máy móc, thiết bị,…) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp;...
4	**Phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp** (15 điểm)	Kế hoạch, tiến độ thu hút đầu tư, di dời các dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp; phương án quản lý bảo vệ môi trường; phương án quản lý, khai thác cụm công nghiệp;...

Mẫu số 2.6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết quả đánh giá chấm điểm lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp…..

1. Căn cứ pháp lý

.....

2. Thành phần Hội đồng

.....

3. Nội dung đánh giá

.....

4. Kết quả đánh giá

TT	Tên doanh nghiệp/Hợp tác xã đề nghị làm chủ đầu tư	Điểm đánh giá của Hội đồng				
		Tổng điểm	Điểm chi tiết các tiêu chí			
			Năng lực kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã đề nghị làm chủ đầu tư	Phương án tài chính đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Phương án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật	Phương án quản lý, bảo vệ môi trường cụm công nghiệp
1						
2						
…						

5. Đề xuất lựa chọn chủ đầu tư và nội dung khác (nếu có)

……..…....

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Chữ ký, ghi rõ họ tên)	**(hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền)** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên)*

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Chữ ký, ghi rõ họ tên)

1. ……

2. …….

3. …….

……

Mẫu số 2.7

ỦY BAN NHÂN DÂN **CẤP TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…/QĐ-UBND	*……, ngày….. tháng…. năm…….*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp …

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định phê quyệt quy hoạch tỉnh/phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp…;

Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư… và của Sở Công Thương…,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau *(tên cụm công nghiệp; địa điểm; diện tích; ngành nghề hoạt động; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tổng mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; thời gian hoạt động của dự án).*

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Điều 3. ...

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- …
- Lưu:….

Mẫu số 2.8

MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUY CHẾ QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- Phạm vi điều chỉnh
- Đối tượng áp dụng
- Nguyên tắc và phương thức phối hợp

II. NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

2. Xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển cụm công nghiệp; quản lý phương án phát triển cụm công nghiệp sau khi được phê duyệt; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

3. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự đề xuất, xây dựng điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

4. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt; thời hạn tiếp nhận, lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

5. Q**uy hoạch chi tiết cụm công nghiệp**

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch chi tiết; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

6. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự án; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

7. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

8. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

9. Tiếp nhận và thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

(Quy định các nội dung, thủ tục cụ thể để doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp như: Quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thu hồi đất, cho thuê đất nếu có, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường/phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường,...; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

10. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

(Cụ thể các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, trách nhiệm của các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

11. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

(Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý; công tác thông tin báo cáo; trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan)

12. Công tác thanh tra, kiểm tra

(Nội dung cụ thể; trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Khen thưởng, xử lý vi phạm
- Trách nhiệm thi hành
- Tổ chức thực hiện

Mẫu số 2.9

Tên chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:.../QĐ-...	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số..../2020/TT-BCT ngày... tháng... năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-UBND ngày... tháng... năm 20... của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp....;

Trên cơ sở ý kiến của các doanh nghiệp tại cuộc họp ngày.../.../20... về việc cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp...;

Theo đề nghị của...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các đơn vị, doanh nghiệp trong cụm công nghiệp... và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**Người đại diện theo pháp luật**
- Như Điều 3;	*(Chữ ký, dấu)*
- Sở Công Thương (để b/c);	
- UBND cấp huyện (để b/c);	
- …….	
- Lưu: VT,…	

Tên chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp
(Ban hành kèm theo Quyết định số... ngày.../.../20... của...)

Chương 1
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

Chương 2
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG VÀ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Quyền của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Quy định các quyền cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 20 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 5. Nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Quy định các nghĩa vụ cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 21 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 6. Quyền của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

(Quy định các quyền cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 24 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật)

Điều 7. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

(Quy định các nghĩa vụ cụ thể nhưng phải phù hợp Điều 25 của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP và quy định của pháp luật).

Chương 3
QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG CÁC DỊCH VỤ CÔNG CỘNG, TIỆN ÍCH TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Bảo vệ, an ninh trật tự

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và của cán bộ, công nhân, khách ra vào cụm công nghiệp)

Điều 9. Hệ thống thông tin liên lạc

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 10. Cấp nước sạch

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 11. Bảo vệ môi trường

(Nội dung cụ thể như: Thoát nước, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải, trồng và chăm sóc cây xanh,...; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 12. Công tác phòng cháy, chữa cháy

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm và của tổ chức, cá nhân liên quan)

Điều 13. Cung cấp điện

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 14. Duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

(Nội dung cụ thể; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp)

Điều 15. Các dịch vụ khác

(Các dịch vụ cụ thể như: nhà ở công nhân, nhà chuyên gia, cung cấp bữa ăn công nghiệp, xe đưa đón công nhân, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa điện, nước, công trình công cộng, thủ tục khai báo xuất nhập khẩu hàng hóa, kho ngoại quan, đào tạo và cung ứng lao động kỹ thuật,...; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và của tổ chức, cá nhân liên quan)

Chương 4
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý vi phạm

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Người đại diện theo pháp luật
(Chữ ký, dấu)